CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /2024/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 2024*

DỰ THẢO 1

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân phường của thành phố Hà Nội.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân phường của thành phố Hà Nội (gọi tắt là Thành phố).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố.

3. Ủy ban nhân dân phường của Thành phố.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. *Tuyển dụng*, quản lý, *sử dụng* công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường

1. Việc ***tuyển dụng***, quản lý, ***sử dụng*** công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường của Thành phố thực hiện theo quy định tại ***khoản 2 Điều 12 và khoản 1 Điều 15 Luật Thủ đô***.

2. Sở Nội vụ Thành phố thực hiện hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc tuyển dụng, ***quản lý, sử dụng*** công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường.

Chương II

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ TRÁCH NHIỆM CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 4. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường được quy định như sau:

a***) Phường loại I có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch, 06 chức danh công chức.***

b) ***Phường loại II có Chủ tịch, 02 Phó Chủ tịch, 06 chức danh công chức.***

c) ***Phường loại III có Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 06 chức danh công chức.***

Sáu (06) chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường của Thành phố theo quy định tại khoản 3 Điều 61 của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019).

2. UBND Thành phố căn cứ số lượng đơn vị hành chính phường có quy mô dân số, diện tích tự nhiên lớn hơn so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính để tính số lượng công chức khác làm việc tại Ủy ban nhân dân phường tăng thêm, cụ thể như sau:

a) Phường cứ tăng thêm đủ 1/3 (một phần ba) mức quy định về quy mô dân số thì được tăng thêm 01 công chức.

b) Ngoài quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 này, phường cứ tăng thêm đủ 100% mức quy định về diện tích tự nhiên thì được tăng thêm 01 công chức.

Điều 5. Hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân phường là cơ quan hành chính nhà nước, làm việc theo chế độ thủ trưởng, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường tổ chức cuộc họp để thảo luận tập thể về các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật thủ đô và vấn đề khác theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố trước khi quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Tập thể quy định tại khoản 2 Điều 5 này gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 06 chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường.

3. Hoạt động của Ủy ban nhân dân phường nhằm đáp ứng sự hài lòng của người dân, tuân thủ trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền được giao, theo đúng quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường.

4. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng dịch vụ công trực tuyến vào giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức tại phường theo quy định của pháp luật, bảo đảm các hoạt động của Ủy ban nhân dân phường phải dân chủ, công khai, minh bạch, thống nhất, thông suốt.

Điều 6. Tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân phường

1. Việc tổ chức các cuộc họp của Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường triệu tập để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Khi nội dung cuộc họp có các vấn đề liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường mời đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố; Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội, ***Trưởng Công an phường***, bí thư chi bộ, tổ trưởng tổ dân phố tham gia cuộc họp của Ủy ban nhân dân phường.

3. Kết luận cuộc họp liên quan đến người dân phải được đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân phường (trừ thông tin thuộc bí mật Nhà nước) theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường để thông tin công khai và kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và Nhân dân biết, thực hiện.

Điều 7. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là người đứng đầu Ủy ban nhân dân phường, chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường; trực tiếp quản lý, sử dụng công chức phường theo quy định.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***; quản lý và chiu trách nhiệm toàn diện mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân phường; ký và chịu trách nhiệm về các văn bản của Ủy ban nhân dân phường với chức danh Chủ tịch, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở phường.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện nghĩa vụ của công chức và chấp hành quy định về những việc công chức không được làm quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân phường trong phạm vi lĩnh vực được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phân công.

2. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, trước pháp luật khi thực hiện nhiệm vụ, công vụ trong phạm vi lĩnh vực được phân công.

3. Ký thay Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường các văn bản của Ủy ban nhân dân phường khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phân công.

4. Thực hiện nghĩa vụ của công chức và chấp hành quy định về những việc công chức không được làm quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Trách nhiệm của các công chức khác của Ủy ban nhân dân phường

1. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phụ trách trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực chuyên môn được Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phân công theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chủ động tham mưu, đề xuất giải quyết công việc được giao theo đúng quy định về thời gian, kết quả và thẩm quyền; tận tụy phục vụ Nhân dân, không gây khó khăn, phiền hà cho Nhân dân. Nếu vấn đề giải quyết vượt thẩm quyền, phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phụ trách xem xét, quyết định.

3. Tuân thủ quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân phường, chấp hành nghiêm túc sự phân công nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; giải quyết công việc theo đúng chức trách, nhiệm vụ được giao, bảo đảm tiến độ, chất lượng công việc.

4. Không chuyển công việc thuộc trách nhiệm của mình cho công chức khác; không tự ý giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của công chức khác. Trường hợp nội dung công việc có liên quan đến công chức khác mà có ý kiến khác nhau thì phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xem xét, quyết định.

5. Chịu trách nhiệm lập, bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu liên quan đến công tác chuyên môn; thực hiện chế độ báo cáo kịp thời, chính xác tình hình lĩnh vực công việc được giao theo quy định với Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phụ trách.

6. Thực hiện nghĩa vụ của công chức và chấp hành quy định về những việc công chức không được làm quy định tại Luật Cán bộ, công chức và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Tổ chức hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với Nhân dân

1. Hằng năm ít nhất hai lần, trước kỳ họp thường kỳ của Hội đồng nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có trách nhiệm tổ chức hội nghị đối thoại với Nhân dân ở phường về những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nguyện vọng chính đáng của công dân ở địa phương.

Căn cứ vào quy mô dân số của phường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường có thể tổ chức đối thoại với Nhân dân qua các đại diện tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân phường phải thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi thông báo đến Tổ trưởng tổ dân phố về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị đối thoại với Nhân dân chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức hội nghị.

2. Kết quả hội nghị đối thoại phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***, Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố ở phường trước 07 ngày khai mạc kỳ họp thường kỳ gần nhất của Hội đồng nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***.

Điều 11. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với Hội đồng nhân dân quận, thị xã, *thành phố thuộc Thành phố*

1. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** trong thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Hàng quý, báo cáo kết quả hoạt động với Hội đồng nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề có liên quan trước Hội đồng nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** khi có yêu cầu.

Điều 12. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, *thành phố thuộc Thành phố*; với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, *thành phố thuộc Thành phố* và Công an phường

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***. Khi gặp những vấn đề vượt thẩm quyền, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***; thực hiện chế độ báo cáo với Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân phường chấp hành việc kiểm tra, giữ mối liên hệ chặt chẽ và tuân thủ sự hướng dẫn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** trong thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn phường.

3. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo Công an phường thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường.

Điều 13. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với Đảng ủy phường

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy phường trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** giao và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường trong thực hiện các nhiệm vụ công tác, chăm lo đời sống và bảo vệ lợi ích của Nhân dân; tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động có hiệu quả; định kỳ hàng tháng hoặc khi thấy cần thiết thông báo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các hoạt động của Ủy ban nhân dân phường để các tổ chức này biết và phối hợp, vận động, tổ chức, Nhân dân chấp hành đúng đường lối chính sách, pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước.

Điều 15. Quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với tổ dân phố

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phải thông tin kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên và của Ủy ban nhân dân phường đến các tổ dân phố để triển khai thực hiện; kiểm tra việc thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt các quy định về thực hiện dân chủ ở phường, hoạt động tự quản của tổ dân phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phân công các công chức của phường theo dõi, nắm tình hình tại các tổ dân phố. Hàng tháng, các công chức của phường được phân công làm việc với Tổ trưởng tổ dân phố thuộc địa bàn phụ trách hoặc trực tiếp tham dự các cuộc họp của tổ dân phố để nghe phản ánh tình hình, kiến nghị và giải quyết các kiến nghị của Nhân dân theo quy định của pháp luật.

Chương III

TUYỂN DỤNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÔNG CHỨC LÀM VIỆC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG

Điều 16. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường

1. ***Căn cứ quy định tại Điều 4 Nghị định này và danh mục vị trí việc làm, thực trạng khối lượng công việc, đặc điểm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường, Sở Nội vụ Thành phố tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giao cụ thể số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thuộc mỗi quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố.***

2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 16 này và danh mục vị trí việc làm, thực trạng khối lượng công việc, đặc điểm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường, Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành

phố quyết định giao cụ thể số lượng biên chế của từng vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường.

Điều 17. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường

1. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, khen thưởng và xử lý kỷ luật đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường, việc tuyển dụng, bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ và văn bản hướng dẫn thi hành. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức đối với trường hợp chưa phải là công chức.

3. Căn cứ vào số lượng, vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường và nhu cầu tuyển dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố xây dựng kế hoạch tuyển dụng, gửi Sở Nội vụ Thành phố có ý kiến trước khi thực hiện.

4. ***Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố thực hiện quản lý nhà nước về công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường.***

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trực tiếp sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường như sau:

a) Bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ;

b) Thực hiện hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, nâng lương, đánh giá, xếp loại chất lượng, khen thưởng, kỷ luật công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường theo quy định;

d) Thống kê và báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình đội ngũ công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường theo quy định;

đ) Thực hiện các nội dung khác theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố.

Điều 18. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, từ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; giao quyền Chủ tịch ủy ban nhân dân phường

Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, biệt phái, miễn nhiệm, từ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức.

Điều 19. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

1. ***Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường là công chức giữ chức danh lãnh đạo, quản lý của Ủy ban nhân dân phường, được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo tương đương mức phụ cấp của Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố.***

2. Thời hạn giữ chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường cho mỗi lần bổ nhiệm là 05 năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường không giữ chức vụ quá 10 năm liên tục ở cùng một đơn vị hành chính phường.

Điều 20. Khen thưởng, kỷ luật đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường

Trình tự, thủ tục và thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH, BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI, ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM VÀ CÁC HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT KHÁC

Điều 21. Nhiệm vụ về quốc phòng trên địa bàn phường

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quốc phòng theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao về quốc phòng;

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tiếp nhận, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có liên quan trong xây dựng khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ tại địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn; thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự; chính sách hậu phương quân đội; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chi viện nhân lực, vật lực, tài chính cho lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động trên địa bàn địa phương làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh;

đ) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quốc phòng theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân phường đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***.

Điều 22. Nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội do cấp có thẩm quyền giao;

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh, tham gia xây dựng lực lượng công an nhân dân, góp phần tăng cường tiềm lực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật;

c) Giao Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo Công an phường thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội; thực hiện chế độ, chính sách đối với các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở; chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức có liên quan ở phường trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội;

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường chấp hành việc kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trên địa bàn phường; tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

2. Ủy ban nhân dân phường đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***.

Điều 23. Nhiệm vụ phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật trên địa bàn phường

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** và Ủy ban nhân dân phường tổ chức thực hiện nhiệm vụ về phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật tại địa phương theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

1. Thực hiện xử lý vi phạm hành chính ở phường theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2. Tổ chức thực hiện các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác ở phường.

Chương V
CÔNG TÁC LẬP DỰ TOÁN, CHẤP HÀNH VÀ QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC THÀNH PHỐ, PHƯỜNG

Điều 24. Lập dự toán ngân sách quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố, phường

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách địa phương; phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách ở địa phương; hướng dẫn cụ thể yêu cầu, nội dung, tài liệu xây dựng, lập, điều chỉnh dự toán ngân sách quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** và phường đảm bảo phù hợp với yêu cầu, nội dung và thời gian lập dự toán ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hằng năm, Ủy ban nhân dân phường xây dựng dự toán thu, chi ngân sách phường gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** xem xét, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Chậm nhất là 05 ngày làm việc, kể từ ngày Hội đồng nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** quyết định, Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng phường. Bố trí trong dự toán chi ngân sách của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc khoản chưa phân bổ từ 2% đến 4% tổng chi ngân sách phường để thực hiện chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, sự cố, thảm họa, cứu trợ, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ cần thiết khác chưa được dự toán.

Điều 25. Chấp hành ngân sách quận, thị xã, *thành phố thuộc Thành phố, phường*

1. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** giao dự toán cho Ủy ban nhân dân các phường và các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc. Trường hợp, dự toán ngân sách chưa được Hội đồng nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** quyết định, Ủy ban nhân dân phường được tạm cấp ngân sách theo Điều 51 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Ủy ban nhân dân phường phân bổ, tổ chức thực hiện dự toán thu, chi ngân sách được giao; nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản phải nộp ngân sách theo quy định của pháp luật; chi đúng chế độ, chính sách, đúng mục đích, đúng đối tượng, theo tiến độ thực hiện và trong phạm vi dự toán được giao.

3. Trong quá trình điều hành ngân sách, trường hợp phải điều chỉnh dự toán hoặc phát sinh nhiệm vụ chi đột xuất, cấp bách, Ủy ban nhân dân phường báo cáo Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** xem xét, quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 26. Quyết toán ngân sách nhà nước

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước và các ban, ngành liên quan xét duyệt quyết toán các cơ quan, đơn vị trực thuộc và tổng hợp quyết toán ngân sách quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***.

Ủy ban nhân dân phường lập quyết toán ngân sách đơn vị dự toán ngân sách phường báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** xét duyệt và tổng hợp vào quyết toán ngân sách quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** báo cáo Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phê chuẩn.

2. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định, hướng dẫn cụ thể về yêu cầu, nội dung, tài liệu, thời gian Ủy ban nhân dân phường gửi báo cáo quyết toán ngân sách phường đến các cơ quan, bảo đảm theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

2. Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, cán bộ, công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được bầu hoặc tuyển dụng trước ngày ***01 tháng 01 năm 2025 (ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành) được chuyển thành công chức theo quy định của Luật Cán bộ, công chức thuộc biên chế hành chính được giao hằng năm cho quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố để tiếp tục làm việc tại vị trí đang công tác; trường hợp chuyển sang vị trí việc làm mới thì phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và phù hợp với vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.***

Phòng Nội vụ quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** rà soát hồ sơ công chức cấp xã đang làm việc tại Ủy ban nhân dân phường để báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố***. Sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Nội vụ Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã***, thành phố thuộc Thành phố*** ban hành quyết định chuyển công chức đang làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thành công chức do Ủy ban nhân dân quận, thị xã, ***thành phố thuộc Thành phố*** quản lý.

Việc bổ nhiệm ngạch và xếp lương đối với công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã***, thành phố thuộc Thành phố*** có văn bản đề nghị Sở Nội vụ Thành phố xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Cán bộ, công chức đang làm việc tại Ủy ban nhân dân phường chưa đáp ứng đủ tiêu ***chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định; trong thời gian này tiếp tục thực hiện chế độ, chính sách đang được hưởng theo quy định của Chính phủ về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã. Hết thời hạn 03 năm mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.***

3. ***Thời gian giữ chức vụ, chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tính vào thời gian giữ chức vụ, chức danh theo quy định.***

4. ***Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường đáp ứng tiêu chuẩn công chức và yêu cầu công việc.***

Điều 29. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nội vụ có trách nhiệm sau đây:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội quy định tại Luật Thủ đô (sửa đổi) và Nghị định này;

b) Phối hợp với Bộ Tư pháp và Ủy ban nhân dân Thành phố trình Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại Thành phố.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị định này. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm:

a) Trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định các chính sách, biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường của Thành phố phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Được phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường của Thành phố.

c) Ban hành quy chế làm việc mẫu của Ủy ban nhân dân phường;

d) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố, phường thực hiện các quy định về công tác tài chính, ngân sách khi thực hiện tổ chức mô hình chính quyền đô thị;

đ) Báo cáo Bộ Nội vụ trình Chính phủ xem xét, quyết định về những vấn đề phát sinh khi thực hiện Nghị định này.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (2).